

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Quyết định số 4693/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND huyện tại kỳ họp thứ 4, khóa IX về tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 8/01/2016 của UBND huyện Hoài An về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2016;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện về việc công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2016 tại Tờ trình số 123/TTr-TCKH ngày 14 tháng 08 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2016 theo các biểu kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

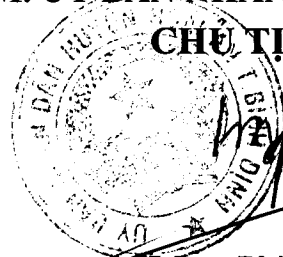
Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND;
- CT, các PCT UBND huyện;
- VKSND huyện;
- TAND huyện;
- Các ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

CHỦ TỊCH



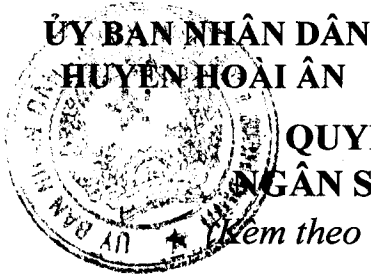
Hoàng Phi Long

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số: 1517 /QĐ-UBND ngày 21 /08/2017
của Ủy ban Nhân dân huyện Hoài An)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
A	Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	50.083.741
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	50.083.741
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu (số cân đối)	
3	Thu viện trợ không hoàn lại	
B	Thu ngân sách huyện	398.140.146
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	48.307.513
	- Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	7.222.763
	- Các khoản thu phân chia ngân sách huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	41.084.750
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	300.114.305
	- Bổ sung cân đối	108.266.000
	- Bổ sung có mục tiêu	191.848.305
3	Thu để lại chi qua NSNN	5.462.133
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang	27.377.944
5	Thu kết dư năm trước	16.367.205
6	Thu nộp trả NS cấp trên	511.047
C	Chi ngân sách huyện	455.783.462
1	Chi đầu tư phát triển	62.273.551
2	Chi thường xuyên	269.042.574
3	Chi bổ sung cho NS cấp dưới	72.346.555
4	Chi từ nguồn thu để lại qua NSNN	5.200.436
5	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	41.585.177
6	Chi nộp trả NS cấp trên	5.335.168



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN**

Mẫu số 22/CKTC-NSH

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ
NGÂN SÁCH CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2016**

*Kèm theo Quyết định số: 1517 /QĐ-UBND ngày 11 /08/2017
của Ủy ban Nhân dân huyện Hoài Ân)*

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán
A	<u>NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</u>	
I	<u>Nguồn thu ngân sách cấp huyện</u>	<u>372.930.716</u>
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	37.451.990
	- Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%	7.558.898
	- Các khoản thu ngân sách phân chia phần ngân sách cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	29.893.092
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	300.114.305
	- Bổ sung cân đối	108.266.000
	- Bổ sung có mục tiêu	191.848.305
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang	26.892.862
4	Thu kết dư năm trước	7.960.512
5	Thu nộp NS cấp trên	511.047
II	<u>Chi ngân sách cấp huyện</u>	<u>369.355.774</u>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không kể số bổ sung cho ngân sách cấp dưới)	250.922.053
2	Bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn	72.346.555
	- Bổ sung cân đối	22.758.150
	- Bổ sung có mục tiêu	49.588.405
3	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	41.263.045
4	Chi nộp trả NS cấp trên	4.824.121
B	<u>NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN</u>	
I	<u>Nguồn thu ngân sách xã, phường, thị trấn</u>	<u>97.555.985</u>
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	16.317.655
	- Các khoản thu ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng	5.125.998
	- Các khoản thu phân chia phần ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	11.191.657
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	72.346.555
	- Bổ sung cân đối	22.758.150
	- Bổ sung có mục tiêu	49.588.405
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang	485.082
4	Thu kết dư năm trước	8.406.693
II	<u>Chi ngân sách xã, phường, thị trấn</u>	<u>86.427.688</u>

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO SẮC THUẾ NĂM 2016

theo Quyết định số: 1517/QĐ-UBND ngày 21/08/2017
của Ủy ban Nhân dân huyện Hoài An)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Chi tiêu	Quyết toán
	TỔNG SỐ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	
A	<u>Tổng các khoản thu cân đối NSNN</u>	50.083.741
I	Thu nội địa	50.083.741
1	Thu từ kinh tế quốc doanh	120.020
2	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	16.683.931
	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	<i>13.925.992</i>
	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>1.547.159</i>
	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước</i>	<i>23.167</i>
	<i>Thuế môn bài</i>	<i>503.340</i>
	<i>Thuế tài nguyên</i>	<i>446.706</i>
	<i>Thu khác về thuế</i>	<i>237.567</i>
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0
4	Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	1.689.638
5	Lệ phí trước bạ	1.796.929
6	Thu phí, lệ phí	1.301.429
7	Các khoản thu về nhà, đất	22.473.507
	<i>Thuế nhà đất</i>	<i>9.606</i>
	<i>Thu tiền thuê đất</i>	<i>1.051.273</i>
	<i>Thu giao quyền sử dụng đất</i>	<i>21.370.795</i>
	<i>Thu tiền bán nhà</i>	<i>41.833</i>
8	Thu khác ngân sách	2.071.855
	Thu từ xử phạt VPHC (tính hưởng)	1.219.438
	Thu khác	852.417
9	Thu quỹ đất công ích, HLCS và khác tại xã	3.946.432
II	Thu viện trợ không hoàn lại	
B	<u>Tổng thu ngân sách huyện</u>	398.140.146
I	Các khoản thu cân đối ngân sách huyện	392.678.014
1	Các khoản thu 100%	7.222.763
2	Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	41.084.750
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	300.114.305
4	Thu chuyển nguồn và kết dư năm trước	43.745.149
5	Thu nộp trả lên cấp trên	511.047
II	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	5.462.133





**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN
NĂM 2016**

*Kèm theo Quyết định số: 1517 /QĐ-UBND ngày 21 /08/2017
của Ủy ban Nhân dân huyện Hoài An)*

Đơn vị tính: 1000 đồng

S T T	Chỉ tiêu	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	455.783.462
A	<u>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</u>	<u>450.583.026</u>
I	Chi đầu tư phát triển	62.273.551
	<i>Trong đó :</i>	
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
2	Chi khoa học, công nghệ	
II	Chi thường xuyên	341.389.129
	<i>Trong đó :</i>	
1	Chi Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	151.584.000
2	Chi Khoa học, công nghệ	240.000
III	Dự phòng	
IV	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	41.585.177
V	Chi nộp trả NS cấp trên	5.335.168
B	<u>Các khoản chi được quản lý qua ngân sách nhà nước</u>	<u>5.200.436</u>

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI AN**

Mẫu số 25/CKTC-NSH

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
NĂM 2016**

*(Xem theo Quyết định số: 1517 /QĐ-UBND ngày 21 /08/2017
của Ủy ban Nhân dân huyện Hoài An)*

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	Tổng chi ngân sách cấp huyện	369.355.774
I	Chi đầu tư phát triển	52.386.594
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	52.386.594
II	Chi thường xuyên	193.893.231
1	Chi quốc phòng	1.234.000
2	Chi an ninh	510.000
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	137.279.788
4	Chi y tế	
5	Chi khoa học công nghệ	230.000
6	Chi văn hoá thông tin	1.328.646
7	Chi phát thanh, truyền hình	1.198.998
8	Chi thể dục thể thao	354.000
9	Chi đảm bảo xã hội	4.220.676
10	Chi sự nghiệp kinh tế	20.601.243
11	Chi sự nghiệp môi trường	626.000
12	Chi quản lý hành chính	25.468.468
13	Chi khác ngân sách	841.411
III	Chi chuyển nguồn	41.263.045
IV	Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã	72.346.555
V	Chi từ nguồn thu để lại qua NSNN	4.642.227
VI	Chi nộp trả NS cấp trên	4.824.121

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số: 1517 /QĐ-UBND ngày 21/08/2017
của Ủy ban Nhân dân huyện Hoài An)

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Các cơ quan, đơn vị	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên (theo từng lĩnh vực)			Chi thực hiện một số nhiệm vụ, mục tiêu khác
		Tổng số	Trong đó: đầu tư XDCB		Tổng số	Gồm		
			Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		QLNN, Đảng, Đoàn thể	Sự nghiệp	
	Tổng số	53.786.594	53.786.594	0	196.294.047	25.468.468	170.825.579	5.665.532
I	Các cơ quan, đơn vị của huyện				192.550.145	25.468.468	167.081.677	0
1	Văn phòng Huyện uỷ				6.553.529	6.403.825	149.704	
2	Văn phòng HĐND&UBND				4.928.708	4.928.708		
3	Trạm Khuyến nông				1.602.046	0	1.602.046	
4	Đài truyền thanh				1.198.998	0	1.198.998	
5	Trung tâm Văn hoá TT-TT				1.682.646	0	1.682.646	
6	Phòng Tài nguyên & MT				1.523.096	1.523.096		
7	Phòng NN&PTNT				3.091.041	1.779.000	1.312.041	
8	Phòng Kinh tế và Hạ tầng				536.100	536.100		
9	Phòng Tài chính- Kế hoạch				1.398.000	948.000	450.000	
10	Thanh tra				690.000	690.000		
11	Phòng Nội vụ				1.107.000	1.107.000		
12	Phòng Tư pháp				463.000	463.000		
13	Hội Chữ thập đỏ				363.800	363.800		
14	Phòng Lao động TB&XH				2.123.760	690.000	1.433.760	
15	Hội LHPN				790.000	790.000		
16	Huyện Đoàn				633.000	633.000		
17	Hội Nông dân				734.000	734.000		
18	Hội Cựu chiến binh				413.000	413.000		
19	UB MTTQVN				1.120.000	1.120.000		
20	Trung tâm bồi dưỡng CT				1.174.000	424.000	750.000	
21	Phòng Giáo dục & ĐT				138.753.457	678.601	138.074.855	

QUYẾT TOÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN CẤP HUYỆN NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số: 1517/QĐ-UBND ngày 21/08/2017

của Ủy ban Nhân dân huyện Hoài An)

DVT: Đồng

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quyết toán năm 2016	Ghi chú
A	CHI ĐẦU TƯ XDCB		53.786.594.400	
I	Vốn ngân sách tỉnh phân cấp		5.893.391.000	
1	Công trình thủy lợi		1.339.970.000	
	Công trình đã hoàn thành		1.089.970.000	
	- Kè Bình Sơn	Ân Nghĩa	689.970.000	
	- Hệ thống nước sinh hoạt tự chảy Ân Hào Tây	Ân Hào Tây	400.000.000	
	Công trình chuẩn bị đầu tư		250.000.000	
	- Khắc phục mái ta luy tuyến đường ĐT629 và kênh mương cấp 1 hồ Mỹ Đức đoạn thôn Mỹ Đức xã Ân Mỹ	Ân Mỹ	150.000.000	
	- Hệ thống nước sinh hoạt tự chảy Ân Nghĩa	Ân Nghĩa	100.000.000	
2	Công trình giao thông		3.986.936.000	
	Công trình đã hoàn thành và chuyển tiếp		3.086.936.000	
	- Cầu Hương Quang	Ân Nghĩa	350.000.000	
	- Hỗ trợ XD vỉa hè từ ngã 4 bà Lộc - Ngã 3 Công an	TT TBH	100.000.000	
	- Nâng cấp, mở rộng tuyến đường thị trấn đi Ân Phong	Liên xã	200.000.000	
	- Cầu qua Ân Hào Tây	Ân Hào Tây	654.528.000	
	- NC, mở rộng tuyến đường từ ĐT 630 nối với đường phía Tây tỉnh	Ân Hào Tây	250.000.000	
	- Mở đường từ trung tâm xã Ân Sơn đến khu ĐCĐC ĐNM	Ân Sơn	150.000.000	
	- N/cấp tuyến đường ĐT630 (đoạn ngã 4 Gò Cau - Đốc Truong Sỏi)	TT TBH	300.000.000	
	- NC, mở rộng tuyến đường vào trang trại heo CN công nghệ cao	Ân Mỹ	400.000.000	
	- Cầu Phú Văn	Ân Hữu	300.000.000	
	- Đường giao thông đến trung tâm xã Bok Tới	Liên xã	172.378.000	
	- Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào nhà máy may Hoài	TT TBH	210.030.000	
	Công trình khởi công mới		600.000.000	
	- Nâng cấp, mở rộng đường Lê Duẩn	TT TBH	600.000.000	
	Công trình chuẩn bị đầu tư		300.000.000	
	- Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Mộc Bài - Mỹ Thành	Liên xã	200.000.000	
	- Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 629 đi TT xã Ân Sơn	Liên xã	100.000.000	
3	Công trình ngành giáo dục		366.485.000	
	Công trình đã hoàn thành		366.485.000	
	Trường TH Tăng Bạt Hổ (HM: Nhà lớp học 2 tầng, 10	TT TBH	189.296.000	
	- Trường TH Tăng Doãn Văn (nhà lớp học 02 tầng 06	TT TBH	177.189.000	
4	Công trình dân dụng		200.000.000	
	Công trình hoàn thành		200.000.000	
	- XD công chào gắn panô điện tử qua đường	Ân Hữu	200.000.000	
II	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ	TT TBH	13.010.773.000	
	- Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Mộc Bài - Mỹ Thành	TT TBH	2.000.000.000	
	Trường TH Tăng Bạt Hổ (HM: Nhà lớp học 2 tầng, 10	Ân Mỹ	3.000.000.000	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quyết toán năm 2016	Ghi chú
	Trường mẫu giáo Ân Tường Tây (HT, PH)		1.527.182.000	
	Xây dựng mới trường mầm non thôn Vĩnh Hòa		400.000.000	
	Trường mầm non Ân Đức (HM: 02p học, 01 phòng nhạc)	TT TBH	600.000.000	
	Trường mầm non Ân Đức (HM: Nhà hiệu bộ)		1.000.000.000	
	Trường Mầm non xã Ân Tín (Điểm chính)		799.842.000	
	Mở rộng XD trường mầm non (Gò Huỳnh) (Điểm chính)	TT TBH	1.000.000.000	
	Trường Mầm non xã Ân Mỹ (điểm chính)	TT TBH	1.500.000.000	
	Trường Mầm non Ân Phong		1.183.749.000	
III	Nguồn vốn ngân sách huyện	Ân Mỹ	16.007.013.000	
*	Nguồn vốn sử dụng đất		9.345.024.000	
	NS huyện hưởng 40% phần xã, 70% phần TT		9.345.024.000	
1	Công trình giao thông	TT TBH	3.561.438.000	
	Công trình khởi công mới	TT TBH	3.561.438.000	
	Nâng cấp, cải tạo tuyến ĐT 630 đoạn Quốc lộ 1 - Ngã ba Kim Sơn	Liên xã	631.438.000	
	BTXM tuyến cầu Phong Thạnh đến khu di tích lịch sử Núi Chéo	Liên xã	1.000.000.000	
	Cầu bến Bằng Lăng	Liên xã	500.000.000	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Mộc Bài - Mỹ Thành	Liên xã	960.000.000	
	Cầu bản suối ngang	Ân Hữu	150.000.000	
	- HT vỉa hè đường Nguyễn Tất Thành	TT TBH	320.000.000	
2	Công trình thủy lợi		1.228.027.000	
	Công trình đã hoàn thành		628.027.000	
	- Kè Bình Sơn	Ân Nghĩa	135.716.000	
	- Gia cố kè chống sạt lở đường đến xã Đák mang	Đak Mang	492.311.000	
	Công trình chuyển tiếp		200.000.000	
	- Kênh mương cấp I hồ Suối Rùn	Ân Tường Tây	200.000.000	
	Công trình khởi công mới		400.000.000	
	- Hệ thống thủy lợi đập Cây Sơn	Ân Hào Tây	400.000.000	
3	Công trình dân dụng		2.443.784.000	
	Công trình khởi công mới		2.443.784.000	
	Cải tạo, sửa chữa Ao cá Béc Hồ	TT TBH	375.000.000	
	Bồi thường, hỗ trợ do GPMB để xây dựng khu dân cư Đồng Cò Hôi, đường Võ Giử thị trấn Tăng Bạt Hồ.	TT TBH	676.753.000	
	Sửa chữa, tường rào cổng ngõ Khối Mặt trận Đoàn thể	TT TBH	250.000.000	
	Nhà làm việc cho các cơ quan, phòng ban thuộc UBND huyện Hoài Ân	TT TBH	38.592.000	
	Sửa chữa trung tâm bồi dưỡng chính trị	TT TBH	17.492.000	
	Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả UBND xã Ân Tường		300.000.000	
	- XD công chào gắn panô điện tử qua đường	TT TBH	144.971.000	
	- Xây dựng CSHT từ công viên trường MN 19/4 đến Phòng Tư Pháp	TT TBH	169.023.000	
	- Sửa chữa tường rào cổng ngõ – Nhà bảo vệ UBND huyện	TT TBH	471.953.000	
4	Công trình ngành giáo dục		326.222.000	
	Công trình chuyển tiếp		176.222.000	
	- Trường THCS Ân Hữu	Ân Hữu	80.000.000	
	- Trường TH Ân Hữu (nhà 02 tầng 08 phòng)	Ân Hữu	96.222.000	
	Công trình khởi công mới		150.000.000	
	- Trường tiểu học số 2 Ân Tín	Ân Tín	150.000.000	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quyết toán năm 2016	Ghi chú
5	Công trình Y tế		265.553.000	
	Công trình đã hoàn thành		250.000.000	
	- Trạm Y tế xã Ân Tường Tây (04 phòng)	Ân Tường Tây	250.000.000	
	Công trình khởi công mới		15.553.000	
	Bồi thường, hỗ trợ do GPMB để thực hiện phương án đấu giá QSD đất đợt 1 tại xã Ân Thạnh, Ân Phong, Ân Tường Đông và xã Ân Hào Tây		15.553.000	
6	Nguồn vốn sử dụng đất 2016 (Các xã trong giai đoạn đầu tư XD NTM)		1.520.000.000	
	Xã Ân Thạnh		640.000.000	
	Tuyển từ trạm bơm đội 14 đến nhà ông Thái, ông Diêm		240.000.000	
	BTXM tuyến cầu Phong Thạnh đến khu di tích lịch sử núi chèo		400.000.000	
	Xã Ân Phong		680.000.000	
	Nâng cấp đường tuyến Linh Chiêu - An Hòa		200.000.000	
	Đường BTXM tuyến An Chiêu- An Hòa		166.052.000	
	Tuyến kênh mương trạm thuế - nhà Diêm		33.948.000	
	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở UBND xã, hội trường		280.000.000	
	Xã Ân Hào Đông		200.000.000	
	Mở rộng XD trường mầm non (Gò Huỳnh) (Điểm chính)		200.000.000	
**	Nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế		6.661.989.000	
1	Công trình giao thông		6.661.989.000	
a	Sự nghiệp giao thông		5.024.292.000	
	BTXM tuyến đường từ Nhà ông Đồng - Thanh Tú		150.000.000	
	Tuyển từ nhà ông Minh - nhà ông Bưởi		141.763.000	
	Nâng cấp đường Ân Phong-Ân Tường Đông		101.990.000	
	Xây dựng mới tuyến đường từ nhà Giá Linh - Công Tráng		877.000	
	BTXM đường từ ngã 3 đi thôn T4 giáp rừng keo		880.000	
	Mở rộng đường từ TT xã Ân Sơn đến khu ĐCĐC đồng nhà mười		300.000.000	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào nhà máy may		3.082.000.000	
	NC, mở rộng đường vào trang trại nuôi heo công nghiệp công nghệ cao		246.782.000	
	BTXM tuyến cầu Phong Thạnh đến khu di tích lịch sử núi chèo		1.000.000.000	
b	Công trình thủy lợi		333.286.000	
	Kênh mương hồ Thạch Khê	Ân Tường Đông	286.962.000	
	Xây dựng hệ thống thủy lợi đập dâng Suối Kok	Bok Tới	33.251.000	
	Hệ thống thoát nước bên trái tuyến đường ĐT 631	TT TBH	13.073.000	
c	Công trình giáo dục		112.854.000	
	Trường THCS Ân Hữu (nhà bộ môn)	Ân Hữu	28.316.000	
	Trường TH Tăng Doãn Văn	Ân Thạnh	64.781.000	
	Trường mẫu giáo Ân Phong	Ân Phong	19.757.000	
d	Công trình y tế		203.331.000	
	Trạm y tế xã Ân Tường Tây	Ân Tường Tây	31.056.000	
	Trạm y tế xã Ân Phong	Ân Phong	122.275.000	
	Trạm y tế xã Ân Mỹ	Ân Mỹ	50.000.000	
e	Kiến thiết thị chính khác		700.000.000	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quyết toán năm 2016	Ghi chú
	- Xây dựng CSHT từ công viên trường MN 19/4 đến Phòng Tư Pháp	TT TBH	700.000.000	
f	Công trình sự nghiệp môi trường		288.226.000	
	- XD bãi rác thải rắn	Ấn Mỹ	288.226.000	
IV	Chương trình MTQG XD NTM sử dụng nguồn vốn Ngân sách tỉnh năm 2015		830.000.000	
	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở UBND xã, hội trường - UBND xã Ấn Phong	Ấn Phong	830.000.000	
V	KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH KCH KM NĂM 2015		848.000.000	
	XÃ AN TƯỜNG TÂY	Ấn Tường Tây	653.000.000	
	Tuyển từ đình xóm 4 - Bàu gốc		166.000.000	
	Tuyển từ nhà ông Đức - nhà ông Thành		67.000.000	
	Tuyển từ nhà ông Ninh- nhà ông Cương		33.000.000	
	Tuyển từ đập trại thơ- đồng cây Quảng		155.000.000	
	Tuyển từ ĐT 630- nhà ông Quang (PS)		100.000.000	
	Tuyển từ nương Máy đội 5 - đường đội số 4		43.000.000	
	Tuyển từ trạm bơm xóm 2B- đồng Xe Đạo		89.000.000	
	XÃ AN THẠNH		195.000.000	
	Tuyển từ kênh N2 đến nhà ông Ca		145.000.000	
	Tuyển từ Trà Du ra Đưng		50.000.000	
VI	NGUỒN VỐN KHEN THƯỞNG CÁC XÃ HOÀN THÀNH XD NTM TỪ NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2015		1.500.000.000	
	XÃ AN TƯỜNG TÂY		1.000.000.000	
	Giao thông		500.000.000	
	Nâng cấp đường vào nghĩa địa Gò Sặc		156.397.000	
	Nâng cấp đường bà Ngọc - Cẩm Chùa		243.603.000	
	Xây dựng nền đường tuyển từ đường bê tông xóm 4 – nhà ông Ngò		100.000.000	
	Tiêu chí văn hóa		400.000.000	
	Sửa chữa và mua sắm bàn ghế hội trường nhà văn hóa xã		283.265.000	
	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng điện		116.735.000	
	Tiêu chí thủy lợi		100.000.000	
	Kiên cố hóa kênh nương từ trạm bơm xóm 2B - đồng xe		100.000.000	
	XÃ AN PHONG		500.000.000	
	Tiêu chí trường học		500.000.000	
	- Trường MẦM non Ấn Phong		500.000.000	
VII	Nguồn vốn CTMT QG giảm nghèo bền vững năm 2015		40.484.000	
	Ấn Tường Đông		2.687.000	
	Nâng cấp, cấp phối đường từ nhà bà Lý đến bờ rộc		2.687.000	
	Ấn Hữu		1.860.000	
	Nâng cấp tuyến đường giao thông nhà ông lập đi xe mai (nối tiếp)		784.000	
	Bê tông hóa đường giao thông tuyến Xe mai đi kè đá Bạc		1.076.000	
	Ấn Nghĩa		30.000.000	
	Kênh nương từ Đập Cây Sấu đến Nà Âu		30.000.000	
	Ấn Hảo Tây		5.937.000	
	BTXM từ quán hút tóe ông Út đến chợ		5.937.000	
VIII	Nguồn vốn CT 135 giai đoạn II năm 2014		16.000.000	
	Ấn Tường Đông		16.000.000	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quyết toán năm 2016	Ghi chú
	Nâng cấp, cấp phối đường từ nhà bà Lý đến bờ rộc		16.000.000	
IX	Nguồn vốn CTMT QG giảm nghèo bền vững năm 2014		8.046.000	
	Xã Ân Hào Tây		2.387.000	
	BTXM từ quán hớt tóc ông Út đến chợ		2.387.000	
	Xã Ân Tường Đông		5.659.000	
	Nâng cấp, cấp phối đường từ nhà bà Lý đến bờ rộc		5.659.000	
X	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHIỀ BỀN VỮNG NĂM 2016		4.585.751.000	
	ĐAK MANG		705.000.000	
	Xây dựng mới tuyến đường từ nhà Giá Linh - nhà Công		250.000.000	
	Xây dựng đập dâng Nước Lương		455.000.000	
	BOK TỚI		900.000.000	
	Xây dựng Nhà văn hóa thôn T4		300.000.000	
	Hệ thống thủy lợi đập Cây Sơn		600.000.000	
	ÂN SƠN		820.751.000	
	XD mới phòng khám trạm y tế		200.000.000	
	Hệ thống nước sạch Mò O		620.751.000	
	ÂN TƯỜNG ĐÔNG		360.000.000	
	Thôn Tân Thành		180.000.000	
	Kênh mương BTXM từ ruộng ông Vinh đến ruộng ông Mẫn		180.000.000	
	Thôn Thạch Long II		180.000.000	
	Đường BTXM từ nhà ông Danh đến nhà ông Hoàn		180.000.000	
	ÂN HỮU		360.000.000	
	Thôn Phú Văn I		180.000.000	
	Cầu bản suối ngang		180.000.000	
	Thôn Phú Văn II		180.000.000	
	Làm đường BTXM từ nhà ông Thế đến Đồng Làng		180.000.000	
	ÂN NGHĨA		900.000.000	
	XD mới Nhà văn hóa thôn Bình Sơn		230.000.000	
	Mương thoát nước từ UBND xã đến chợ Kim Sơn		230.000.000	
	Kênh mương từ Hồ đồng quang đến Đồng quang		80.000.000	
	Kênh mương từ Nà Sen đến Đồng Lớn		70.000.000	
	Tuyến từ Hồ Hóc Còi đến nhà ông Vinh		150.000.000	
	Kênh mương từ Đập Cây Sấu đến Nà Âu		80.000.000	
	Kênh mương từ Đập Lớn đến Đồng Lớn		60.000.000	
	ÂN HẢO TÂY		540.000.000	
	Thôn Tân Xuân		180.000.000	
	BTXM nhà ông Din đến nhà ông Phó		180.000.000	
	Thôn Tân Sơn		180.000.000	
	BTXM từ nhà ông Toàn đến nhà bà Nỹ		180.000.000	
	Thôn Vạn Trung		180.000.000	
	Cấp phối công Cây Sanh đến vườn cau		180.000.000	
XI	Nguồn kinh phí khắc phục hạn hán vụ Đông Xuân 2015-2016 (Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của UBND tỉnh Bình Định)		600.000.000	
	Công trình thủy lợi.		600.000.000	
	Sửa chữa đường ống cấp nước Gò Dũng, Thôn T6, xã Bok Tới	Bok Tới	600.000.000	
XII	Nguồn vốn CT MTQG XD NTM (Mã CTMT: 00391)		1.744.000.000	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quyết toán năm 2016	Ghi chú
	Xã Ân Nghĩa		309.000.000	
	XD mới Nhà văn hóa thôn Bình Sơn		309.000.000	
	Xã Đak Mang		309.000.000	
	Xây dựng đập dâng Nước Lương		309.000.000	
	Xã Bok Tới		309.000.000	
	Xây dựng Nhà văn hóa thôn T4		150.000.000	
	Hệ thống thủy lợi đập Cây Sơn		159.000.000	
	Xã Ân Sơn		309.000.000	
	Hệ thống nước sạch Mò O		309.000.000	
	Xã Ân Hữu		77.000.000	
	BTXM tuyến Nhà ông Giới đi hồ Hóc Tài		77.000.000	
	Xã Ân Mỹ		100.000.000	
	Xây dựng nhà văn hóa thôn Long Mỹ		100.000.000	
	Xã Ân Tín		77.000.000	
	BT Tuyến mương Đồng Cọ đội 5		77.000.000	
	Xã Ân Tường Đông		77.000.000	
	Nâng cấp BTXM đã xuống cấp thôn Vĩnh Viễn		77.000.000	
	Xã Ân Hảo Tây		77.000.000	
	KCH kênh mương tuyến Đập đầu - ruộng Trại		77.000.000	
	Xã Ân Đức		100.000.000	
	Xây dựng mới trường mầm non thôn Vĩnh Hòa		100.000.000	
XIII	Ngân sách tỉnh năm 2016 hỗ trợ CT MTQG XD NTM đối với các xã hoàn thành XD NTM GB 2011-2015		900.000.000	
	Xã Ân Tường Tây		300.000.000	
	Xây dựng đường nội đồng tuyến từ nhà bà Ngọc đến Cẩm chùa		50.000.000	
	Tuyến từ cầu máng đến nhà Bé Diên		50.000.000	
	Tuyến từ mương tưới, tiêu từ trường THCS đến đường bê tông Phú Sơn		50.000.000	
	Tuyến từ trạm bơm xóm 2B - đồng xe đạo		50.000.000	
	KCH kênh mương tuyến từ nhà ông Đức - nhà ông Thành		50.000.000	
	KCH kênh mương tuyến từ ĐT630 - nhà ông Quang (PS)		50.000.000	
	Xã Ân Phong		300.000.000	
	Xây dựng Cầu Chợ phiên		100.000.000	
	BTXM liên thôn An Thiện- Linh chiêu		100.000.000	
	Đường BTXM tuyến An Chiêu- An Hòa		100.000.000	
	Xã Ân Thạnh		300.000.000	
	Xây dựng mới sân Bê tông, tường rào, cổng nhà học tập cộng đồng xã và quét vôi tường rào cổng ngõ trụ sở UBND xã Ân Thạnh		300.000.000	
XIV	Ngân sách tỉnh năm 2016 hỗ trợ CT MTQG XD NTM đối với các xã hoàn thành XD NTM trong năm 2016		3.490.000.000	
	Xã Ân Đức		3.490.000.000	
	Xây dựng mới trường mầm non thôn Vĩnh Hòa	Ân Đức	1.080.000.000	
	XD tường rào, cổng ngõ Trường Mầm non Đội 5 thôn Đức Long	Ân Đức	250.000.000	
	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Gia Trị	Ân Đức	300.000.000	
	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Vĩnh Hòa	Ân Đức	120.000.000	
	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Khoa Trường	Ân Đức	120.000.000	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quyết toán năm 2016	Ghi chú
	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Phú Thuận	Ân Đức	100.000.000	
	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Gia Đức	Ân Đức	150.000.000	
	BTXM tuyến đường nhà ông Đồng - Thanh tú	Ân Đức	200.000.000	
	Tuyến BTXM từ nhà ông Minh - nhà ông Bưởi	Ân Đức	200.000.000	
	SC, nâng cấp tuyến mương tưới trạm bơm đội 8	Ân Đức	140.000.000	
	SC, nâng cấp tuyến mương trạm bơm đội 3, thôn Gia Đức	Ân Đức	140.000.000	
	KCH KM Tuyến mương tưới Xe Chum đội 1, thôn Vĩnh	Ân Đức	140.000.000	
	KCH KM Tuyến cửa Thâm đến cửa Tổ	Ân Đức	80.000.000	
	KCH KM Tuyến cửa Diêm đến Gò Chính	Ân Đức	115.000.000	
	KCH KM Tuyến mương cái đội 1	Ân Đức	100.000.000	
	KCH KM Tuyến mương Cái đội 2 đến đội 7	Ân Đức	130.000.000	
	KCH KM công nhà 3 Long xuống công Gò Long	Ân Đức	75.000.000	
	KCH KM Tuyến mương trạm bơm đội 6	Ân Đức	50.000.000	
XV	VỐN KHẮC PHỤC LŨ LỤT NĂM 2016		1.321.328.000	
1	Vốn ngân hàng BIDV tài trợ		400.000.000	
	Khắc phục lũ lụt cầu Hương Quang		250.000.000	
	Khắc phục lũ lụt tuyến Gò Dững - T5		150.000.000	
I	Vốn Sự nghiệp kinh tế		921.328.000	
	Công trình giao thông:		751.328.000	
1	Khắc phục lũ lụt cầu Hương Quang	Ân Nghĩa	30.000.000	
2	Khắc phục lũ lụt tuyến Gò Dững - T5	Bok Tới	230.481.000	
3	Khắc phục lũ lụt tuyến đường từ xã Ân Nghĩa đi xã Bok Tới		60.000.000	
4	Khắc phục lũ lụt tuyến đường Bù Nủ đi thôn T5 xã Bok Tới		170.000.000	
5	Khắc phục lũ lụt công sạt lở thôn Phú Văn 2, xã Ân Hữu		150.000.000	
6	Khắc phục lũ lụt tuyến đường bê tông đoạn kè Đak Mang	Đak Mang	78.000.000	
7	Khắc phục sạt lở cầu bán đường liên thôn Gò Lôi - Phú Khương	Ân Tường Tây	32.847.000	
	Công trình thủy lợi:		120.000.000	
1	Sửa chữa, khắc phục sạt lở đập Vườn Gộp	Ân Hữu	90.000.000	
2	Sửa chữa Khắc phục sạt lở đập Cây Sơn	Ân Hữu	30.000.000	
	Công trình phục vụ phòng chống lụt bão:		50.000.000	
1	Nhà kho chứa thiết bị phòng chống lụt bão	TT TBH	50.000.000	
XVI	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu		1.974.608.000	
	Đền bù, GPMB tuyến ĐT 630 Cầu Dơi- Kim Sơn	Liên xã	1.974.608.000	
XVI	Vốn ghi thu, ghi chi		1.017.200.400	
	Đền bù, GPMB công trình trại heo công nghệ cao tại Ân Mỹ		667.476.000	
	Đền bù, GPMB công trình khai thác đá Granit tại Ân Hảo Tây		349.724.400	



TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN
SÁCH CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ ĐÃ ĐƯỢC
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số: 1517 /QĐ-UBND ngày 21/08/2017
của Ủy ban Nhân dân huyện Hoài An)

S T T	Chi tiết theo các sắc thuế (theo phân cấp của tỉnh)	Tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu cấp tỉnh được hưởng	Tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu cấp huyện được hưởng	Tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu xã được hưởng
1	Thuế giá trị gia tăng		90	10
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp		90	10
3	Lệ phí môn bài và hộ KD			100
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100
5	Thuế thu nhập cá nhân		100	
6	Thuế nhà đất			100
7	Lệ phí trước bạ (nhà đất)			100
8	Lệ phí trước bạ (xe)		100	
9	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100		
10	Tiền thuê đất		100	
11	Thu tiền cấp quyền sử dụng đất		40	60
12				
13				
14				
15				

Ghi chú: riêng mục (1 và 2) phân chia giữa huyện và Thị trấn: 95% và 5%



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN

Mẫu số 30/CKTC-NSH

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU CHO NGÂN

SÁCH TỪNG XÃ, THỊ TRẤN ĐÃ ĐƯỢC
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP, TỈNH QUYẾT ĐỊNH NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số: 1517/QĐ-UBND ngày 21/08/2017
của Ủy ban Nhân dân huyện Hoài Ân)

Đơn vị tính %

S T	Xã, phường, thị trấn	Chi tiết theo các khoản thu (theo phân cấp của tỉnh)					
		Thuế giá trị gia tăng lĩnh vực ngoài quốc doanh	Thuế thu nhập doanh nghiệp lĩnh vực ngoài quốc doanh	Thuế nhà, đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Lệ phí môn bài cá nhân và hộ KD	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	Lệ phí trước bạ nhà, đất
T							
1	TT Tăng Bạt Hồ	5	5	100	100	100	100
2	Xã Ân Hào Đông	10	10	100	100	100	100
3	Xã Ân Hào Tây	10	10	100	100	100	100
4	Xã Ân Mỹ	10	10	100	100	100	100
5	Xã Ân Sơn	10	10	100	100	100	100
6	Xã Dak Mang	10	10	100	100	100	100
7	Xã Ân Tín	10	10	100	100	100	100
8	Xã Ân Thạnh	10	10	100	100	100	100
9	Xã Ân Phong	10	10	100	100	100	100
10	Xã Ân Đức	10	10	100	100	100	100
11	Xã Ân Hữu	10	10	100	100	100	100
12	Xã Bok Tới	10	10	100	100	100	100
13	Xã Ân Tường Tây	10	10	100	100	100	100
14	Xã Ân Tường Đông	10	10	100	100	100	100
15	Xã Ân Nghĩa	10	10	100	100	100	100



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CỦA
CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2016**

(Kèm theo Quyết định số: 1517 /QĐ-UBND ngày 21 /08/2017
của Ủy ban Nhân dân huyện Hoài An)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

S T T	Tên các xã, phường, thị trấn	Tổng thu NSNN trên địa bản xã, phường, thị trấn	Tổng chi cân đối ngân sách xã	Bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho cấp xã		
				Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu
1	Ân Hào Đông	6.344.331	5.711.235	5.017.211	1.792.000	3.225.211
2	Ân Hào Tây	5.760.028	5.387.943	4.667.208	1.620.200	3.047.008
3	Ân Tín	6.676.200	6.609.112	6.100.565	1.688.000	4.412.565
4	Ân Mỹ	7.388.829	6.815.054	5.605.721	1.581.100	4.024.621
5	Ân Thạnh	10.059.077	7.814.948	6.068.136	1.776.000	4.292.136
6	Ân Phong	6.584.989	6.467.359	3.918.846	1.461.300	2.457.546
7	TT Tăng Bạt Hồ	9.086.177	5.965.688	3.219.856	791.350	2.428.506
8	Ân Đức	6.264.670	5.254.850	5.438.291	1.617.900	3.820.391
9	Ân Hữu	6.373.642	6.287.406	5.436.806	1.326.800	4.110.006
10	Ân Tường Tây	6.765.802	6.461.950	5.383.449	1.965.400	3.418.049
11	Ân Tường Đông	5.660.783	5.250.601	4.053.174	1.266.600	2.786.574
12	Ân Nghĩa	7.985.724	7.188.481	6.756.280	1.572.500	5.183.780
13	Ân Sơn	3.755.014	3.693.445	3.020.727	1.395.000	1.625.727
14	ĐakMang	3.949.338	3.706.277	3.576.348	1.404.000	2.172.348
15	Bok Tới	4.901.381	3.813.340	4.083.939	1.500.000	2.583.939
	Tổng số	97.555.985	86.427.688	72.346.555	22.758.150	49.588.405

